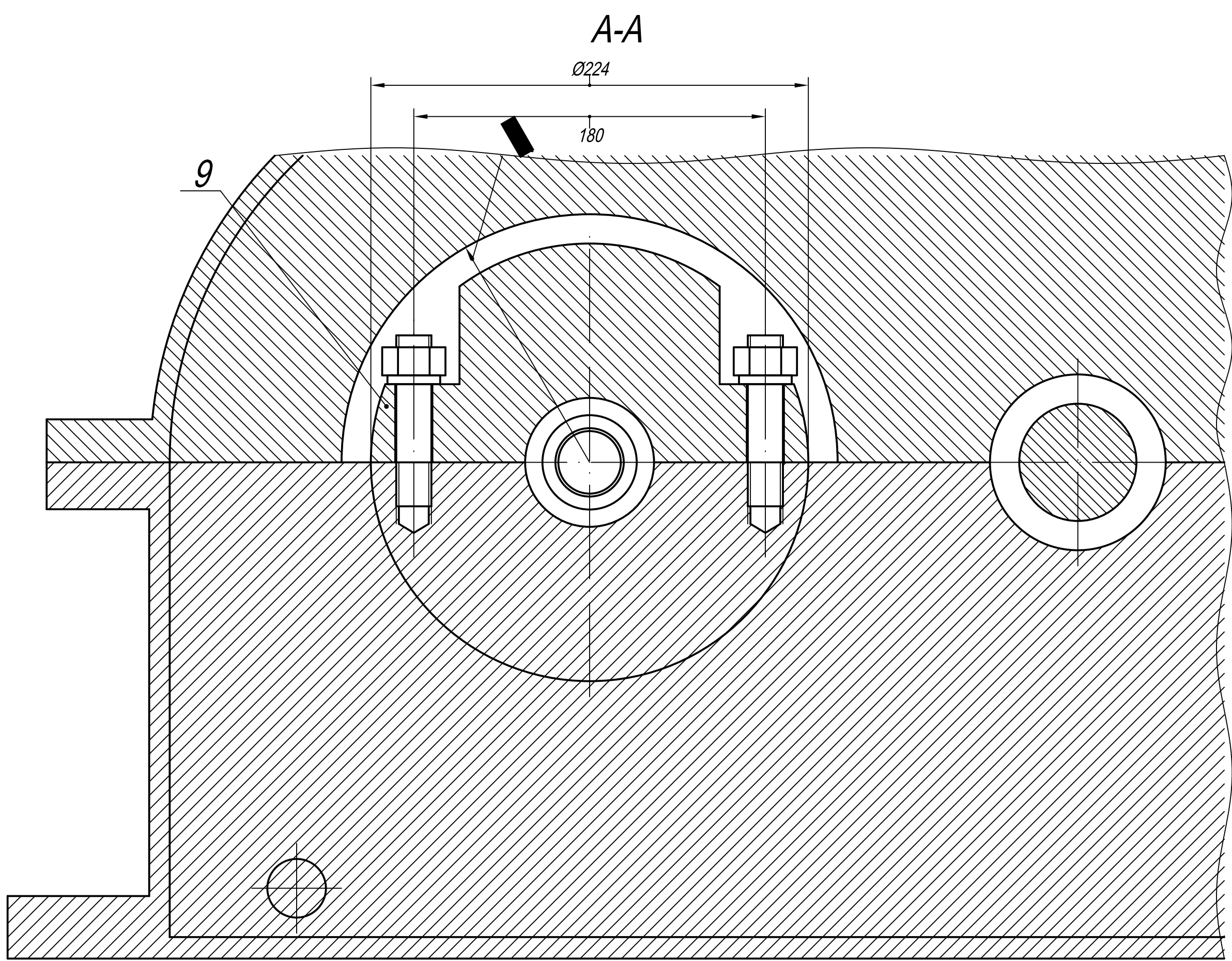
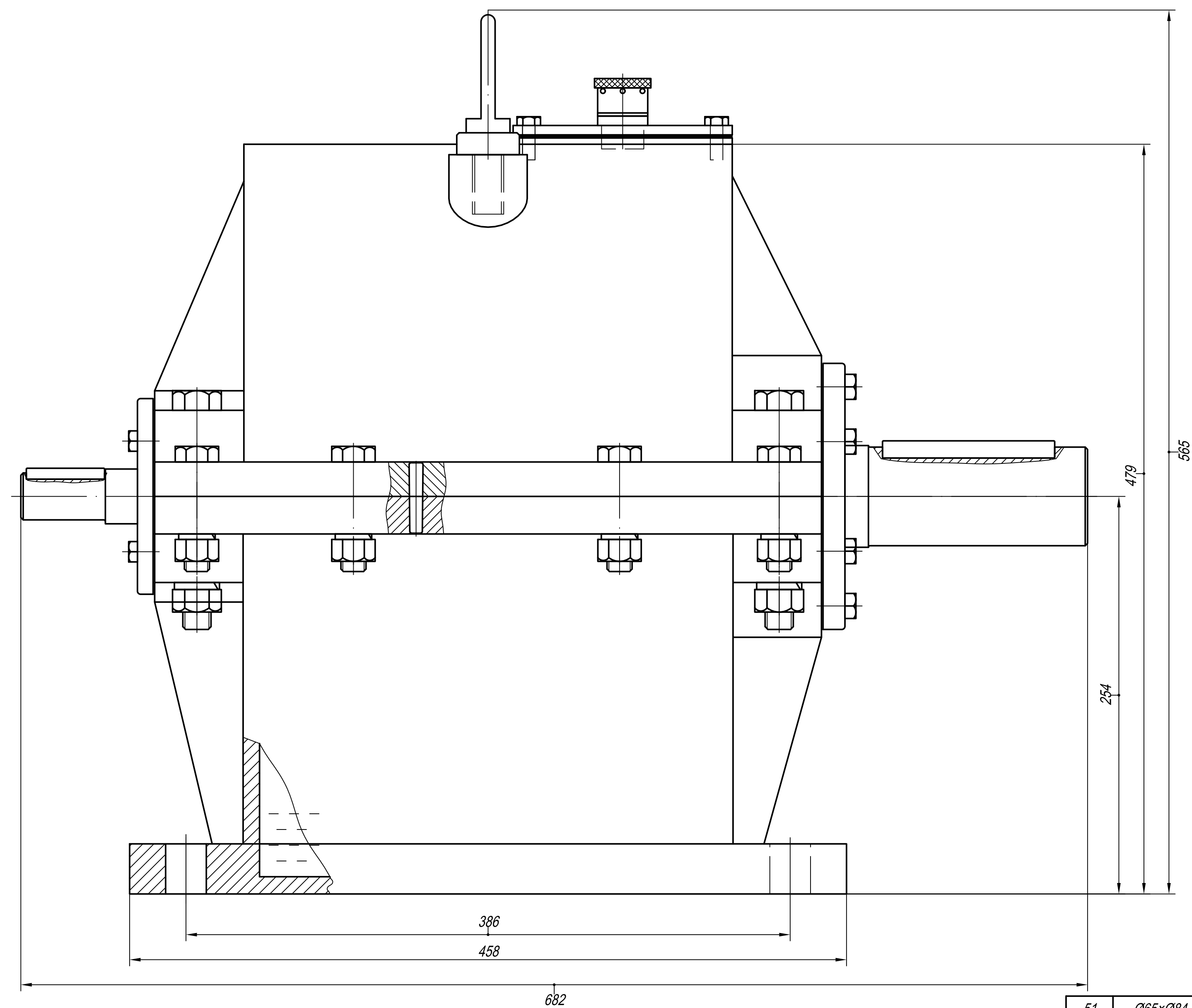




|        |             |                           |          |              |         |
|--------|-------------|---------------------------|----------|--------------|---------|
| 51     | Ø65×Ø84     | Vòng phốt                 | 1        | Ní (dạ)      |         |
| 50     | 20×12×110   | Then bằng                 | 1        | Thép 45      |         |
| 49     |             | Trục ra (trục III)        | 1        | Thép 45      |         |
| 48     | 213         | Ố bi đỡ một dây           | 2        | Thép ổ lăn   |         |
| 47     | D120        | Nắp ổ thùng trục III      | 1        | GX 15-32     |         |
| 46     | Ø120×Ø170   | Bộ đệm điều chỉnh         | 1        | Thép lá      |         |
| 45     | Ø45×Ø88×8   | Vòng chắn dầu             | 1        | Thép CT3     |         |
| 44     | m3 z33      | Bánh răng nhỏ cấp chậm    | 1        | Thép 45      |         |
| 43     | 18×11×80    | Then bằng                 | 1        | Thép 45      |         |
| 42     | Ø8×45       | Chốt định vị côn          | 4        | Thép 45      |         |
| 41     |             | Trục trung gian (trục II) | 1        | Thép 45      |         |
| 40     | m3 z131     | Bánh răng lớn cấp nhanh   | 1        | Thép 45      |         |
| 39     | 18×11×63    | Then bằng                 | 1        | Thép 45      |         |
| 38     | Ø85×Ø125    | Bộ đệm điều chỉnh         | 2        | Thép lá      |         |
| 37     | D85         | Nắp ổ kín trục II         | 2        | GX 15-32     |         |
| 36     | 46209       | Ố bi đỡ chân một dây      | 2        | Thép ổ lăn   |         |
| 35     | Ø45×Ø88×8   | Vòng chắn dầu             | 1        | Thép CT3     |         |
| 34     | M10×30      | Vít nẹp ổ                 | 6        | Thép CT3     |         |
| 33     | M8×20       | Vít nẹp ổ                 | 12       | Thép CT3     |         |
| 32     | D80         | Nắp ổ thùng trục I        | 1        | GX 15-32     |         |
| 31     | Ø80×Ø125    | Bộ đệm điều chỉnh         | 1        | Thép lá      |         |
| 30     |             | Trục vào (trục I)         | 1        | Thép 45      |         |
| 29     | 10×8×45     | Then bằng                 | 1        | Thép 45      |         |
| 28     | Ø35×Ø48     | Vòng phốt                 | 1        | Ní (dạ)      |         |
| 27     | 307         | Ố bi đỡ một dây           | 2        | Thép ổ lăn   |         |
| 26     | Ø35×Ø83×8   | Vòng chắn dầu             | 1        | Thép CT3     |         |
| 25     | 14×9×50     | Then bằng                 | 1        | Thép 45      |         |
| 24     | m3 z33      | Bánh răng nhỏ cấp nhanh   | 1        | Thép 45      |         |
| 23     | Ø35×Ø83×8   | Vòng chắn dầu             | 1        | Thép CT3     |         |
| 22     | M18×65      | Vít cây                   | 2        | Thép CT3     |         |
| 21     | Ø65×Ø118×8  | Vòng chắn dầu             | 1        | Thép CT3     |         |
| 20     | 22×14×90    | Then bằng                 | 1        | Thép 45      |         |
| 19     | m3 z131     | Bánh răng lớn cấp chậm    | 1        | Thép 45      |         |
| 18     | Ø65×Ø118×8  | Vòng chắn dầu             | 1        | Thép CT3     |         |
| 17     | M20×2       | Nút tháo dầu              | 1        | Thép CT3     |         |
| 16     | Ø20,5×Ø30×2 | Vòng đệm nút tháo dầu     | 1        | Đồng         |         |
| 15     | M12         | Que thăm dầu              | 1        | Thép CT3     |         |
| 14     | M16×70      | Bu lông ghép bích         | 8        | Thép CT3     |         |
| 13     | 150×100     | Nắp cửa thăm              | 1        | Thép CT3     |         |
| 12     | M27×2       | Nút thông hơi             | 1        | Thép CT3     |         |
| 11     | M8×22       | Vít nẹp cửa thăm          | 4        | Thép CT3     |         |
| 10     | 190×140×2   | Đệm nắp cửa thăm          | 1        | Bia cac-lông |         |
| 9      |             | Nắp gối đỡ giữa           | 1        | GX 15-32     |         |
| 8      | M20         | Bu lông vòng              | 2        | Thép 20      |         |
| 7      | M18×140     | Bu lông cạnh ổ            | 8        | Thép CT3     |         |
| 6      | 18          | Vòng đệm vành             | 10       | Thép 65Mn    |         |
| 5      |             | Nắp hộp                   | 1        | GX 15-32     |         |
| 4      | 16          | Vòng đệm vành             | 8        | Thép 65Mn    |         |
| 3      | M16         | Đai ốc                    | 8        | Thép CT3     |         |
| 2      | M18         | Đai ốc                    | 10       | Thép CT3     |         |
| 1      |             | Thân hộp                  | 1        | GX 15-32     |         |
| Vị trí | Ký hiệu     | Tên gọi                   | Số lượng | Vật liệu     | Ghi chú |

|                          |                             |         |
|--------------------------|-----------------------------|---------|
| ĐHQG TP. HCM             | Khoa Cơ khí                 | HK262   |
| Trường Đại học Bách Khoa | Đồ án Thiết kế Chi tiết máy | TP. HCM |

HỆ THỐNG DẪN ĐỘNG XÍCH TÀI (ĐỀ 05 / PHƯƠNG ÁN 01)

|           |           |        |                 |                                                                         |                    |                 |            |
|-----------|-----------|--------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|------------|
| Chức danh | Họ và tên | Chữ ký | Ngày            | <b>HỢP GIÁM TỐC</b><br><b>BÁNH RĂNG TRƯ HẠI CẤP</b><br><b>ĐỒNG TRỰC</b> | Tỉ lệ              | Hội đồng: ..... |            |
| Thiết kế  |           |        |                 |                                                                         | 1:2                |                 |            |
| Hướng dẫn |           |        |                 |                                                                         | Tờ số/số tờ        | 1               | Khối lượng |
| Duyệt     |           |        |                 |                                                                         |                    |                 | 240 kg     |
|           |           |        | Ngày hoàn thành |                                                                         | Ngày bảo vệ: ..... |                 |            |

| ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT     |          |        |         |           |           |
|-----------------------|----------|--------|---------|-----------|-----------|
| Thông số \ Trục       | Động cơ  | I      | II      | III       | Công tác  |
| Công suất P, kW       | 5,5      | 5,22   | 5,01    | 4,81      | 4,76      |
| Tỉ số truyền u        | 2,886    | 3,9    | 3,13    | 1         | –         |
| Số vòng quay n, vg/ph | 1445     | 500,69 | 128,38  | 41,02     | 41,02     |
| Mômen xoắn T, N-mm    | 36 349,5 | 99 565 | 372 687 | 1 119 832 | 1 108 191 |

### YÊU CẦU KỸ THUẬT

- [illegible]